

Số: 199/KH-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Đảm bảo tài chính thực hiện Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS
vào năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội**

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. Căn cứ pháp lý xây dựng kế hoạch

- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2020;

- Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 14/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030;

- Công văn số 3784/BYT-AIDS ngày 15/7/2020 của Bộ Y tế về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đảm bảo tài chính thực hiện Chiến lược Quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Kế hoạch số 07/KH-BCĐ ngày 06/11/2020 của Ban Chỉ đạo xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, phòng, chống HIV/AIDS thành phố Hà Nội về việc thực hiện Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. Tình hình dịch và hoạt động phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020

1. Tình hình dịch HIV/AIDS tại Hà Nội

Tính đến ngày 31/12/2020, số người nhiễm HIV/AIDS đang còn sống là 20.563, số bệnh nhân nhiễm HIV đã tử vong là 7.191. Trong năm 2020, có 1.584 trường hợp HIV mới phát hiện, 137 trường hợp tử vong. Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trên 100.000 dân của Hà Nội là 237 người/100.000 dân (dân số đến ngày 01/4/2019: 8.654.000 người).

Thành phố có 14/30 quận/huyện/thị xã có trên 500 người nhiễm HIV còn sống, trong đó quận Đống Đa có người nhiễm HIV còn sống cao nhất với 2.428 người (chiếm tỷ lệ 11,8% trên tổng số người nhiễm HIV hiện còn sống của Thành phố), huyện Thạch Thất là địa phương có số người nhiễm HIV còn sống thấp nhất với 157 người.

Dịch HIV/AIDS tại Thành phố vẫn trong giai đoạn tập trung trên các nhóm đối tượng có nguy cơ cao, mặc dù hiện tỷ lệ nhiễm HIV trên các nhóm này có chiều hướng giảm, nhưng còn ở mức cao. Qua giám sát phát hiện, xu hướng lây

nhiễm HIV qua đường tình dục có xu hướng gia tăng từ 42,9% năm 2016 lên 73,3% năm 2020, ngược lại phân bố tỷ lệ nhiễm HIV theo đường máu giảm dần qua các năm từ 63,2% năm 2005 xuống 15,5% năm 2020 (*Số liệu về nhiễm HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020 tại Phụ lục 1 kèm theo*).

2. Hoạt động đáp ứng với dịch HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội

Thành phố Hà Nội đã đạt được thành quả quan trọng trong phòng, chống HIV/AIDS qua việc thay đổi kiến thức, hành vi trong các nhóm có hành vi nguy cơ cao và cộng đồng dân cư; giúp người nghiện heroin giảm sử dụng heroin, thay đổi hành vi nhận thức, giảm tội phạm do người nghiện gây ra; giảm nhanh số người chuyển sang giai đoạn AIDS và tăng tỷ lệ người nhiễm HIV điều trị ARV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng ức chế.

a) Dự phòng lây nhiễm HIV: quản lý, tiếp cận truyền thông và hỗ trợ vật dụng an toàn cho số nghiện ma túy, phụ nữ bán dâm, nam quan hệ tình dục đồng giới, người nhiễm HIV. Tỷ lệ bao phủ tiếp cận theo số liệu báo cáo năm 2020 là 97% với nhóm nghiện ma túy, 74% với nhóm phụ nữ bán dâm, 64% với nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới. Chương trình điều trị Methadone tại 18 cơ sở điều trị cho 5.001 bệnh nhân. Triển khai điều trị dự phòng trước phơi nhiễm PrEP tại 14 cơ sở điều trị cho 4.474 bệnh nhân. Các hoạt động can thiệp được triển khai liên tục đã góp phần kiểm soát tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm phụ nữ bán dâm, nghiện chích ma túy và nam quan hệ tình dục đồng giới.

b) Điều trị HIV/AIDS: kiện toàn các phòng khám và điều trị HIV tại Thành phố đảm bảo việc khám và điều trị cho người nhiễm HIV được chi trả từ Quỹ bảo hiểm y tế (BHYT). Tỷ lệ người nhiễm HIV trên địa bàn Thành phố được điều trị ARV đạt 70,5%. Tuyên truyền vận động người nhiễm HIV mua và sử dụng thẻ BHYT, đến cuối năm 2020 có 81,7% người nhiễm đang điều trị ARV có thẻ BHYT. Thực hiện hỗ trợ đồng chi trả thuốc ARV qua nguồn ngân sách địa phương và xét nghiệm tải lượng vi rút cho người nhiễm HIV tham gia điều trị ARV từ các nguồn của dự án ODA. Có 98% người nhiễm HIV điều trị ARV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng ức chế, góp phần giảm nguy cơ lây nhiễm HIV ra cộng đồng. Ngoài ra, chương trình cũng thực hiện các hoạt động điều trị lao/HIV, dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con một cách đồng bộ và hiệu quả.

c) Giám sát, tư vấn, xét nghiệm: giám sát phát hiện, giám sát ca bệnh, tìm ca bệnh được thực hiện chặt chẽ nên đã giảm bớt số mất dấu, tăng tỷ lệ quản lý được người nhiễm. Đến hết năm 2020, Thành phố đã có 73 phòng xét nghiệm sàng lọc, 11 cơ sở y tế được cấp chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm HIV, gồm 06 bệnh viện Thành phố và 05 Trung tâm y tế quận/huyện. Số người được xét nghiệm ngày càng tăng (từ 149.514 người vào năm 2016 lên 446.317 người trong năm 2020).

d) Tăng cường năng lực và hợp tác quốc tế được Thành phố đặc biệt quan tâm chỉ đạo, đã thực hiện và thu hút nhiều dự án đầu tư hỗ trợ cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn Thành phố; cơ sở vật chất, trang thiết bị của các cơ sở phòng, chống HIV/AIDS đã được đầu tư, nâng cấp bảo đảm cho các hoạt động của đơn vị.

3. Khó khăn thách thức

- Dịch HIV/AIDS ở Hà Nội cơ bản vẫn chưa được khống chế, thể hiện ở số người nhiễm mới được phát hiện nhiễm HIV hàng năm khoảng gần 1.000 trường hợp.

- Dịch HIV/AIDS còn đang tập trung ở các nhóm đối tượng nguy cơ cao (tiêm chích ma túy, mại dâm, nam có quan hệ tình dục đồng giới). Số đối tượng nhiễm HIV mới phát hiện trong nhóm đối tượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế không khai thác được đường lây gia tăng hàng năm. Mặt khác, sự lây truyền HIV qua quan hệ tình dục đang có xu hướng gia tăng, cảnh báo sự lây lan của dịch trong cộng đồng dân cư, bao gồm cả những nhóm người được coi là có hành vi nguy cơ thấp, làm cho công tác phòng, chống HIV/AIDS trở nên khó khăn.

- Nhân lực phòng, chống HIV/AIDS tại tuyến cơ sở thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ, cán bộ chủ yếu là kiêm nhiệm nhiều công việc do nhiều hoạt động y tế được triển khai tại cộng đồng. Cán bộ phòng, chống HIV/AIDS Thành phố sát nhập biến động, cán bộ mới chưa được đào tạo chuyên môn sâu về HIV/AIDS.

- Xét nghiệm và điều trị cho người nhiễm HIV bằng thuốc ARV từ miễn phí chuyển sang hình thức thanh toán qua bảo hiểm y tế là thách thức lớn trong việc duy trì, ổn định điều trị cho bệnh nhân. Sự biến động người nhiễm HIV điều trị ARV tại các cơ sở điều trị ARV rất lớn (bệnh nhân chuyển đến: 801 người, bệnh nhân chuyển đi: 1.407 người). Nguyên nhân: Chuyển cơ sở điều trị ARV theo đúng tuyến BHYT, do ảnh hưởng của dịch Covid...

- Một số cơ quan y tế dự phòng tuyến Thành phố và Trung ương như Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương đang có vai trò đầu ngành xét nghiệm (chẩn đoán HIV, XN CD4, tải lượng) sẽ không tham gia vào hệ thống điều trị do không/chưa phê duyệt danh mục kỹ thuật.

- Sự kỳ thị phân biệt đối xử và tâm lý tự kỳ thị dẫn đến hạn chế tiếp cận các dịch vụ y tế và dịch vụ điều trị của chính những người nhiễm HIV/AIDS:

- + Một số người nhiễm HIV lo ngại bị tiết lộ danh tính nên vẫn chưa sẵn sàng tham gia BHYT; Một số ít người nhiễm HIV không mua được BHYT do họ không có bất cứ giấy tờ tùy thân nào, hoặc người ngoại tỉnh đến làm việc và sinh sống tại Hà Nội.

- + Một số bệnh nhân đã có thẻ BHYT, nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu là các Viện thuộc Bộ, ngành hoặc ở các bệnh viện không có cơ sở điều trị HIV/AIDS nhưng không công khai tình trạng bệnh nên không xin được giấy tờ chuyển tuyến.

- Nguồn lực chi cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS chủ yếu từ các dự án quốc tế đang giảm nhanh, chủ yếu hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn cho các đơn vị, trong khi nguồn lực từ ngân sách Nhà nước (thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia nguồn Trung ương và ngân sách địa phương đối ứng) không bù đắp kịp là thách thức lớn trong bối cảnh phải mở rộng chương trình Methadone và các chương trình chăm sóc, hỗ trợ, điều trị HIV/AIDS để hướng tới kết thúc đại dịch HIV/AIDS vào năm 2030 theo cam kết của Chính phủ Việt Nam với Liên hiệp quốc.

III. Đánh giá tình hình đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020

1. Kinh phí huy động cho phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn từ năm 2016-2020

Giai đoạn 2016-2020, tổng kinh phí huy động cho phòng, chống HIV/AIDS của Thành phố là 272.064 triệu đồng, bao gồm: nguồn ngân sách Trung ương là 15.151 triệu đồng; nguồn ngân sách Thành phố là 99.030 triệu đồng; nguồn thu phí dịch vụ là 45.627 triệu đồng; nguồn viện trợ từ nước ngoài là 112.256 triệu đồng (chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

2. Mức độ đáp ứng nhu cầu kinh phí cho phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020 từ nguồn ngân sách Thành phố

Kinh phí Thành phố chỉ cho các hoạt động chuyên môn phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2016 - 2020 là 99.030 triệu đồng và bao gồm cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS, chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện thay thế Methadone và hoạt động đồng chi trả thuốc ARV cho người nhiễm HIV/AIDS, chiếm 36% tổng kinh phí chỉ cho công tác phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020.

3. Đánh giá hiệu quả về đầu tư kinh phí

Công tác đảm bảo kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương, Thành phố cũng như các nguồn viện trợ để triển khai các hoạt động truyền thông, can thiệp dự phòng, điều trị đã có tác động không chế, hạn chế dịch HIV/AIDS lây lan như những năm trước 2008. Một số kết quả cụ thể như sau:

Số người mới được phát hiện nhiễm HIV hàng năm giảm từ mức 2.476 ca (năm 2008), xuống 676 ca vào năm 2016 và tăng lên 1.584 ca vào năm 2020 (tuy nhiên, sự tăng mạnh về số người nhiễm HIV mới được phát hiện giai đoạn từ 2017-2020 là do tác động từ sự hỗ trợ của các dự án nhằm hoàn thành mục tiêu 90-90-95 vào năm 2020).

Số người nhiễm HIV tử vong qua các năm giảm từ 10% vào năm 2016 xuống 08% vào năm 2020 cùng với chất lượng của hệ thống giám sát phát hiện tăng lên.

- 100% các cơ sở điều trị duy trì đủ thuốc kháng virus HIV và thuốc điều trị nhiễm trùng cơ hội cho bệnh nhân. Năm 2020, bệnh nhân bắt đầu chuyển đổi phác đồ điều trị TLD, là phác đồ có hiệu quả ức chế vi rút cao và nhanh chóng.

- Tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS đang điều trị thuốc ARV có thể bảo hiểm y tế tăng từ 62% vào cuối năm 2016 lên 82,8% vào cuối năm 2018 và 80,2% ở thời điểm 31/12/2020.

- Tỷ lệ bệnh nhân điều trị ARV được tiếp cận với ít nhất 1 dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh HIV/AIDS qua BHYT cũng tăng dần qua các năm: năm 2017 (36,8%), năm 2018 (49,4%), tháng 10/2020 (62,3%); Số bệnh nhân điều trị ARV nguồn BHYT năm 2019 là 1.929 người tại 05 cơ sở; đến ngày 31/12/2020 là 2.658/4.790 bệnh nhân tại 13 cơ sở.

PHẦN 2. ƯỚC TÍNH NHU CẦU KINH PHÍ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2021-2030

I. Cơ sở xác định nhu cầu

- Căn cứ mục tiêu, nội dung, giải pháp, các hoạt động chính, các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 11/9/2020 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030.

- Căn cứ mục tiêu và các nhóm chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Kế hoạch số 07/KH-BCĐ ngày 06/11/2020 của Ban Chỉ đạo xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, phòng, chống HIV/AIDS thành phố Hà Nội về việc thực hiện Chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Nội dung chi, mức chi cho từng hoạt động theo các quy định hiện hành (Các văn bản hướng dẫn nội dung chi, mức chi đối với nguồn ngân sách Nhà nước), khung giá dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành.

II. Tính toán xác định nhu cầu

Phương pháp ước tính/xác định nhu cầu kinh phí cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2021-2030 thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3784/BYT-AIDS ngày 15/7/2020 của Bộ Y tế về việc xây dựng kế hoạch đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS để thực hiện mục tiêu chấm dứt bệnh AIDS vào năm 2030 và kế hoạch phòng, chống AIDS năm 2021. Nhu cầu kinh phí được tính toán dựa trên công cụ ước tính nhu cầu kinh phí do Bộ Y tế xây dựng và hỗ trợ kỹ thuật thực hiện thống nhất đối với các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Các phương pháp và công cụ này cũng đã được Cục Phòng, chống HIV/AIDS – Bộ Y tế xây dựng và tập huấn cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội, Bản cập nhật của Bộ công cụ ước tính nguồn lực được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Phòng, chống HIV/AIDS tại địa chỉ <http://www.vaac.gov.vn>).

Căn cứ vào các phân tích trên đây và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn có liên quan của Trung ương, tổng nhu cầu kinh phí cho phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn thành phố Hà Nội trong giai đoạn 2021-2030 được ước tính (chi tiết qua các năm tại Phụ lục 3 kèm theo) và thống kê theo bảng dưới đây:

**Bảng 1. Ước tính nhu cầu kinh phí cho phòng, chống HIV/AIDS
giai đoạn 2021-2030**

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn kinh phí/Năm	Tổng cộng	Tỷ lệ
Dự phòng lây nhiễm HIV	409.150	26%
Điều trị HIV/AIDS	1.102.885	71%
Giám sát, theo dõi đánh giá và xét nghiệm	29.343	2%
Tăng cường năng lực hệ thống	8.415	1%
Tổng cộng	1.549.793	100

III. Ước tính khả năng huy động kinh phí giai đoạn 2021-2030

1. Dự kiến những nguồn kinh phí có thể huy động

Khả năng huy động được kinh phí cho phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn thành phố Hà Nội từ các nguồn: Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các hoạt động thiết yếu, ngân sách địa phương cấp có mục tiêu cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, nguồn viện trợ của các tổ chức quốc tế, ngân sách viện trợ từ các dự án Quốc tế, kinh phí chi trả từ Quỹ Bảo hiểm y tế, người sử dụng dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS tự chi trả một số dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác... Riêng đối với năm 2021 và năm 2022, kinh phí huy động được tính theo số thực tế.

2. Ước tính số kinh phí có thể huy động được từ tất cả các nguồn

Tổng khả năng huy động được kinh phí cho phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn thành phố Hà Nội từ tất cả các nguồn nêu trên là 1.549.129 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Ngân sách Nhà nước Trung ương hỗ trợ cho các hoạt động thiết yếu (Theo lộ trình được thông báo bởi Bộ Y tế). Tổng kinh phí nguồn ngân sách Trung ương cho cả giai đoạn 2021-2030 là 21.922 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương cấp có mục tiêu cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, (ngân sách này ước tính theo như mức phân bổ ngân sách hiện nay). Nguồn này chủ yếu để đầu tư cho việc mua thuốc Methadone, hỗ trợ điều trị Methadone, nâng cao năng lực cho việc triển khai điều trị ARV sớm, đồng chi trả thuốc ARV từ nguồn bảo hiểm y tế, theo dõi, giám sát, đánh giá, nâng cao năng lực phòng, chống HIV/AIDS.... Tổng kinh phí có thể huy động được từ nguồn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2021-2030 là 156.201 triệu đồng.

- Nguồn viện trợ của các tổ chức Quốc tế (bao gồm cả tiền thuốc ARV, kinh phí cấp phát Buprenorphine, xét nghiệm tải lượng vi rút...) từ các dự án đang triển khai tại thành phố Hà Nội và dự kiến các dự án mới được huy động cho giai đoạn 2021-2023 là 474.883 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí chi trả từ Quỹ Bảo hiểm y tế: ước tính khả năng huy động từ nguồn này là 601.991 triệu đồng cho giai đoạn 2021-2030. Kinh phí huy động từ nguồn này được tính toán trên cơ sở dự kiến số người nhiễm HIV điều trị bằng thuốc kháng HIV (ARV) được BHYT chi trả, tỷ lệ này tăng dần qua các năm và mục tiêu đến năm 2030 đạt 100% số người nhiễm HIV điều trị bằng thuốc kháng HIV (ARV) được BHYT chi trả theo quy định.

- Người sử dụng dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS tự chi trả một số dịch vụ: giai đoạn 2021-2030 ước tính sẽ huy động được là 294.132 triệu đồng và được tính toán trên cơ sở người dân phải chi trả cho các hoạt động dự phòng (kinh phí thu từ công tác xã hội hoá chương trình điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone và Buprenorphine đối với những đối tượng điều trị Methadone và Buprenorphine không được ngân sách Nhà nước đảm bảo và hỗ trợ kinh phí) và kinh phí chăm sóc, điều trị HIV/AIDS (phần kinh phí đối tượng tham gia bảo hiểm y tế phải đồng chi trả và các đối tượng chưa tham gia bảo hiểm y tế). *Chi tiết từng năm tại Phụ lục 4 kèm theo.*

IV. Ước tính kinh phí cần huy động thêm giai đoạn 2021-2030

Từ các phân tích trên, cho thấy, với mức phân bổ ngân sách địa phương hiện nay, Hà Nội hoàn toàn đủ khả năng đáp ứng được nhu cầu. Tuy nhiên, giai đoạn từ năm 2023 trở đi, nếu như nguồn kinh phí từ các dự án cắt giảm thì khoản kinh phí thiếu hụt cho giai đoạn 2023-2030 là 8.590 triệu đồng. Thành phố Hà Nội căn cứ theo mức thiếu hụt này để đề xuất ngân sách địa phương giai đoạn 2023-2030 sẽ bù đắp cho khoảng trống thiếu hụt ngân sách như đã trình bày ở trên.

V. Nguyên nhân của sự thiếu hụt tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030

Thứ nhất: Ngân sách Nhà nước, Trung ương chỉ hỗ trợ cho các hạng mục thiết yếu theo như hướng dẫn của Bộ Y tế;

Thứ hai: Viện trợ Quốc tế đã có lộ trình cắt giảm và chuyển sang hình thức hỗ trợ kỹ thuật thay vì cung cấp dịch vụ trực tiếp, nguồn kinh phí này chỉ mang tính hỗ trợ;

Thứ ba: Nhu cầu mở rộng độ bao phủ các can thiệp hiệu quả, tăng cường áp dụng các mô hình can thiệp mới; Số lượng bệnh nhân AIDS, bệnh nhân điều trị thay thế nghiện thuốc phiện ngày càng tăng.

Thứ tư: Kinh tế phát triển, quản lý nguy cơ lây nhiễm HIV trong nhóm dân di biến động tại các khu công nghiệp ngày càng trở nên cần thiết, nhu cầu truyền thông và chi phí tư vấn, xét nghiệm giám sát tăng, các giải pháp dự phòng sớm cần mở rộng.

Thứ năm: Chưa huy động được các nguồn kinh phí từ các tổ chức xã hội và từ người dân đóng góp do sự phân biệt kỳ thị đối xử, cơ chế tài chính cho việc tham gia đầu tư và cung cấp dịch vụ của các tổ chức xã hội...chưa rõ ràng, chưa khuyến khích được các nguồn xã hội hóa...

PHẦN 3. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO TÀI CHÍNH CHẤM DỨT BỆNH AIDS VÀO NĂM 2030

I. Quan điểm chỉ đạo của Thành phố bảo đảm tài chính nhằm chấm dứt bệnh AIDS vào năm 2030

1. Thành phố bảo đảm đầu tư các nguồn lực cho phòng, chống HIV/AIDS phù hợp với diễn biến tình hình dịch HIV/AIDS, khả năng và điều kiện phát triển kinh tế xã hội của Thành phố. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa đối với công tác phòng, chống HIV/AIDS, trong đó tập trung đầu tư cho các hoạt động thiết yếu, mang tính bền vững, lâu dài, có hiệu quả cao, bao gồm dự phòng và chăm sóc điều trị HIV/AIDS là chủ đạo.

2. Tiếp tục vận động, kêu gọi và đa dạng hóa các nguồn viện trợ quốc tế, thu hút các nhà tài trợ mới để thu hẹp khoảng trống thiếu hụt về kinh phí cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS. Các dự án đang triển khai phải có lộ trình chuyển giao cụ thể và đảm bảo tính bền vững sau khi dự án kết thúc.

3. Tận dụng tối đa và phát huy các nguồn tài chính trong nước bao gồm: (1) Quỹ BHYT chi trả toàn bộ các dịch vụ trong phạm vi chi trả theo quy định; (2) tận dụng và huy động sự tham gia cung cấp dịch vụ và đầu tư của các tổ chức xã hội, các quỹ, các doanh nghiệp cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS; (3) phí dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS với người nhiễm HIV và các nhóm nguy cơ cao có khả năng tự chi trả.

4. Tăng cường quản lý, tổ chức, vận hành bộ máy theo hướng tinh giản và tiết kiệm, lồng ghép, kiện toàn hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào hệ thống y tế hiện hành; áp dụng triển khai các mô hình, dịch vụ các hoạt động theo hướng chi phí thấp hiệu quả cao.

5. Phòng, chống HIV/AIDS là nhiệm vụ quan trọng và lâu dài, vì vậy cần tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sự phối hợp liên ngành và trách nhiệm của mỗi người dân, mỗi gia đình và cộng đồng. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn chủ động bố trí nguồn lực (bao gồm ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất...) nhằm đảm bảo tính liên tục, bền vững cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại các địa phương, đơn vị; lồng ghép hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào các hoạt động sẵn có của đơn vị, các chương trình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương.

II. Mục tiêu của kế hoạch

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm nguồn tài chính bền vững cho việc thực hiện thành công các mục tiêu của Kế hoạch hoạt động phòng, chống HIV/AIDS nhằm chấm dứt bệnh AIDS vào năm 2030 tại thành phố Hà Nội.

2. Mục tiêu cụ thể

- Huy động được các nguồn viện trợ quốc tế đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng chi phí của các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS hàng năm cho đến năm 2030;
- Huy động tối thiểu 80% doanh nghiệp chủ động bố trí kinh phí để triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại doanh nghiệp theo cơ chế, chính sách của Nhà nước vào năm 2030;
- Hàng năm, ngoài các nguồn huy động, ngân sách Thành phố sẽ bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo kế hoạch của Trung ương và Thành phố.
- Đảm bảo 100% số người nhiễm HIV có thể Bảo hiểm y tế được chi trả theo quy định hàng năm cho đến năm 2030.

III. Định hướng các giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch

1. Nhóm Giải pháp huy động các nguồn tài chính

- Tăng phân bổ ngân sách địa phương (NSDP) hàng năm nhằm từng bước bù đắp kinh phí thiếu hụt cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS:

+ UBND Thành phố bảo đảm tăng dần kinh phí đầu tư cho chương trình phòng, chống HIV/AIDS từ các nguồn NSDP theo các mục tiêu, phù hợp với diễn biến tình hình dịch và khả năng của địa phương, từng bước bù đắp nguồn kinh phí thiếu hụt do việc cắt giảm các nguồn tài trợ từ các dự án viện trợ và ngân sách Nhà nước Trung ương;

+ Các cấp, ngành, đơn vị có kế hoạch huy phân bổ các nguồn kinh phí của cấp, ngành, đơn vị cho phòng, chống HIV/AIDS;

Mở rộng và đảm bảo chi trả của Quỹ BHYT cho các dịch vụ điều trị HIV/AIDS:

+ Đảm bảo 100% người nhiễm HIV có thể BHYT, bằng các nguồn khác nhau; UBND thành phố Hà Nội đảm bảo kinh phí mua thẻ BHYT cho những người nhiễm HIV có hoàn cảnh đặc biệt và kinh phí đồng chi trả cho người nhiễm HIV đang điều trị bằng ARV theo quy định của Chính phủ;

+ Tiếp tục kiện toàn và đảm bảo hệ thống cung cấp dịch vụ điều trị HIV/AIDS đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được Quỹ BHYT chi trả theo quy định;

Tiếp tục huy động các nguồn viện trợ quốc tế cho phòng, chống HIV/AIDS:

+ Đưa các các nhu cầu về đầu tư cho phòng, chống HIV/AIDS vào các kế hoạch xúc tiến kêu gọi đầu tư của Thành phố;

+ Xây dựng các đề xuất về nhu cầu cần được đầu tư hỗ trợ để đưa vào các dự án của Bộ Y tế;

+ Thực hiện có hiệu quả các Dự án của quốc tế hiện có trên địa bàn

- Triển khai, mở rộng việc thu phí dịch vụ đối với một số dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS (điều trị methadone, tư vấn xét nghiệm HIV, cung ứng bao cao su, bơm kim tiêm...) theo hướng khách hàng cùng chi trả.

2. Nhóm giải pháp tổ chức, quản lý, điều phối và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí

- Tập trung quản lý các nguồn kinh phí chương trình phòng, chống HIV/AIDS thống nhất một đầu mối: tại Sở Y tế (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội là thường trực) để đảm bảo phân bổ sử dụng hiệu quả, tránh chồng chéo.

- Ưu tiên phân bổ kinh phí phòng, chống HIV/AIDS hàng năm cho các quận, huyện trọng điểm về tình hình dịch, có nguy cơ lây nhiễm cao. Đảm bảo cơ chế tài chính ưu tiên khuyến khích việc phát hiện các đối tượng có nguy cơ cao và các dịch vụ đưa người nhiễm HIV vào điều trị sớm.

- Cùng cố và nâng cao năng lực các cơ quan đầu mối về phòng, chống HIV/AIDS tại các tuyến trong công tác lập kế hoạch; trong quản lý và sử dụng kinh phí, nhằm đảm bảo điều phối và phân bổ kinh phí hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phòng, chống HIV/AIDS tại địa phương và các đơn vị (về địa bàn, lĩnh vực, hoạt động và đối tượng), đồng thời, thực hành tiết kiệm chi tiêu trong phòng, chống HIV/AIDS ở các tuyến.

- Xây dựng và mở rộng các mô hình cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS cho các tổ chức xã hội, các nhóm cộng đồng; đề xuất các cơ chế tài chính nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ và đầu tư cho các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS.

- Tăng cường năng lực cho các tổ chức xã hội, khu vực tư nhân đủ điều kiện tham gia cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS, đặc biệt đối với các dịch vụ như tìm ca, tiếp cận các nhóm đối tượng nguy cơ cao.

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát tài chính trong nội dung kiểm tra giám sát hoạt động chương trình phòng, chống HIV/AIDS định kỳ hàng năm do Ban Chỉ đạo Thành phố chỉ đạo thực hiện.

3. Nhóm giải pháp quản lý chương trình nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực

- Gắn kết dịch vụ dự phòng và điều trị HIV/AIDS vào hệ thống y tế của Thành phố. Tiếp tục duy trì và mở rộng các mô hình dự phòng, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS sử dụng các nguồn lực hiện có.

- Lồng ghép dịch vụ và củng cố hệ thống cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS theo định hướng tăng chi phí-lợi ích.

- Triển khai và mở rộng các mô hình cung cấp dịch vụ nhằm tăng cường tiếp cận dịch vụ sớm với người sử dụng dịch vụ.

- Lồng ghép các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội, các phong trào, các cuộc vận động quần chúng ở các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp.

PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế (Cơ quan thường trực, đầu mối phòng, chống HIV/AIDS Thành phố)

- Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi và giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch “Đảm bảo tài chính thực hiện chiến lược Quốc gia chấm dứt bệnh AIDS vào năm 2030 của thành phố Hà Nội”; Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố tình hình triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và sở, ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động tài chính cụ thể cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS bao gồm cả việc huy động các nguồn viện trợ mới.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo phòng, chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm Thành phố tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Cùng cố và hoàn thiện tư cách pháp lý của các phòng khám ngoại trú HIV/AIDS phù hợp với điều kiện ký hợp đồng của cơ quan Bảo hiểm y tế.

- Xây dựng mức thu phí, lệ phí các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

- Hướng dẫn UBND các quận, huyện, thị xã/thị xã và chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố xây dựng kế hoạch huy động nguồn kinh phí cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS ở địa phương trên cơ sở Kế hoạch này.

- Thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch của các Sở, ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị quận/huyện/thị xã.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước thực hiện kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2020 và phân cấp ngân sách hiện hành.

- Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan xây dựng định mức thu phí dịch vụ từ một số dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS.

- Kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất tình hình huy động, quản lý và sử dụng kinh phí phòng, chống HIV/AIDS của các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ, sử dụng có hiệu quả kinh phí và tuân thủ các quy định tài chính, kế toán hiện hành của nhà nước.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường, huy động vốn đầu tư phát triển cho hệ thống phòng, chống HIV/AIDS trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện điều phối các nguồn đầu tư cho công tác phòng, chống HIV/AIDS.

4. Bảo hiểm xã hội Thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các cơ quan trực thuộc, các đơn vị thực hiện chi trả một số dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm y tế và theo Thông tư số 15/2015/TT-BYT ngày 26/06/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với người nhiễm HIV và người sử dụng các dịch vụ y tế liên quan đến HIV/AIDS.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các ngành liên quan về phòng, chống HIV/AIDS; chỉ đạo, hướng dẫn Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội, Đài Truyền thanh xã tăng cường thời lượng tuyên truyền các thông điệp, nội dung phòng, chống HIV/AIDS. Tuyên truyền hưởng ứng Tháng hành động phòng, chống HIV/AIDS, ma túy, mại dâm, thực hiện tuyên truyền các nội dung về phòng, chống HIV/AIDS trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố; việc đồng thuận, sẵn sàng tự chi trả một số dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS của người dân; tăng cường đầu tư và cung cấp dịch vụ của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp; khuyến khích các nguồn xã hội hóa tham gia hoạt động phòng, chống HIV/AIDS...

6. Các Sở, ngành, cơ quan khác của Thành phố

Chủ trì triển khai các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS, lồng ghép với chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của đơn vị, trong đó chú trọng hoạt động tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố

- Chủ động tham gia triển khai thực hiện Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của mình.

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan cùng cấp tăng cường huy động các tổ chức xã hội tham gia hoạt động phòng, chống HIV/AIDS bằng nguồn kinh phí tự huy động được.

- Triển khai rộng khắp phong trào “Toàn dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư”. Đưa hoạt động phòng, chống HIV/AIDS vào các phong trào, các cuộc vận động quần chúng, cộng đồng ở cơ sở.

8. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

- Xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung của Kế hoạch “Đảm bảo tài chính thực hiện chiến lược Quốc gia chấm dứt bệnh AIDS vào năm 2030 của thành phố Hà Nội” trên địa bàn phù hợp với định hướng kinh tế - xã hội của quận, huyện, thị xã và mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch thành phố trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Chủ động bố trí ngân sách, huy động sự đóng góp của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, sự tham gia tích cực của cộng đồng... để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch giao và theo các mục tiêu đã xác định tại địa phương ngoài nguồn ngân sách được phân bổ thông qua Sở Y tế. Đồng thời chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí hiệu quả, không để thất thoát, thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định về tài chính hiện hành.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch của địa phương đúng quy định.

- Thực hiện thông tin báo cáo gửi Sở Y tế để tổng hợp báo cáo theo định kỳ.

Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hà Nội, yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thực hiện nghiêm Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm về Sở Y tế trước ngày 31/12 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Y tế./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Y tế, Công an, LĐTB&XH ;
- Ủy ban Quốc gia 50;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch TT Lê Hồng Sơn;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VPUB: CVP, PCVP P.T.T. Huyện KGVX, NC, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

sp

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Chữ Xuân Dũng



PHỤ LỤC 1. TÌNH HÌNH DỊCH HIV/AIDS GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 199 /KH-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của UBND Thành phố)

Bảng 1. Số người mới phát hiện nhiễm HIV/AIDS và số tử vong qua các năm

TT	Nội dung báo cáo	2016	2017	2018	2019	2020
1	Số HIV mới phát hiện	676	814	1.290	1.611	1.584
	Số HIV hiện còn sống					
2	Tỷ lệ nhiễm HIV theo các đường lây					
	Đường máu	55,8	50,6	32,0	24,3	15,5
	Quan hệ tình dục	42,9	48,8	65,6	74,5	73,3
	Lây truyền mẹ con	1,3	0,6	1,5	0,7	0,6
	Không rõ	0	0	0,9	0,5	10,6
3	Tỷ lệ nhiễm HIV theo giới					
	Nam	71,9	78,8	73,4	80,3	78,7
	Nữ	28,1	21,2	26,6	19,7	21,3
4	Tỷ lệ nhiễm HIV theo nhóm tuổi					
	Dưới 15	1,3	0,4	1,1	0,6	0,6
	15-24	8,1	14,5	18,4	22	26,9
	25-49	82,5	77,3	71,9	69,5	64
	Trên 49	8,1	7,8	8,6	7,9	8,5
5	Số tử vong mới cập nhật trong năm	72	96	80	88	137
	Số ca đã tử vong	6790	6886	6966	7054	7191

**PHỤ LỤC 2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG
HIV/AIDS GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số **199** /KH-UBND ngày **19** tháng **7** năm 2022
của UBND Thành phố)

Bảng 2. Kết quả thực hiện các chỉ số hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020

Hoạt động	Chỉ số	Năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
Can thiệp giảm hại	Bơm kim tiêm phát miễn phí		3.747.200	3.038.911	3.277.671	1.217.637
	Bao cao su phát miễn phí		1.774.080	1.057.033	2.601.708	1.742.098
Điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	Số BN điều trị Methadone	4.487	4.812	4.708	4.996	5.001
	Lũy tích BN điều trị Methadone	11.804				
Điều trị ARV	Số bệnh nhân vẫn còn đang được điều trị ARV hàng năm	11.032	12.443	13.300	14.297	14.491
Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	Số lượt phụ nữ mang thai được tư vấn trước XN	188.719	198.706	160.762	110.184	96.025
	Số phụ nữ mang thai được XN HIV tự nguyện	134.642	137.514	114.744	96.489	90.033
	Số phụ nữ mang thai có kết quả xét nghiệm khẳng định HIV (+)	81	56	85	39	44
	Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	98	52	81	38	43
	Số trẻ đẻ sống sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV	98	113	128	106	80
	Số trẻ được điều trị dự phòng lây truyền HIV	95	112	128	106	80
Điều trị dự phòng phơi nhiễm (PrEP)	Số khách hàng lần đầu tiên sử dụng PrEP trong kỳ báo cáo	Chưa triển khai		49	1.675	2.561
	Số khách hàng nhận dịch vụ PrEP ít nhất một lần			49	1.763	4.474

PHỤ LỤC 3. TÌNH HÌNH ĐẢM BẢO TÀI CHÍNH CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số **199** /KH-UBND ngày **19** tháng **7** năm 2022 của UBND Thành phố)

Bảng 3. Tình hình huy động kinh phí cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020

ĐVT: triệu đồng

ST T	Nguồn	Kinh phí huy động theo nguồn giai đoạn 2017-2020																
		2016			2017			2018			2019			2020			Tổng cộng KP giao	Tỷ lệ % (so với Tổng KP)
		Dư đầu	KP giao	KP QT	Dư đầu	KP giao	KP QT	Dư đầu	KP giao	KP QT	Dư đầu	KP giao	KP QT	Dư đầu	KP giao	KP QT		
I	Ngân sách địa phương	0	32.500	27.397	4.926	18.811	19.521	446	10.712	8.634	110	10.750	5.650	975	19.800	3.608	99.030	36%
	HĐ PC HIV AIDS		3.700	3.700	0	7.000	6.067	446	7.000	5.375	110	7.000	4.046	975	5.700	2.141	31.931	12%
	Methadone		28.800	23.697	4.926	11.811	13.454		3.712	3.259		2.150	1.418		11.700	530	63.099	23%
	ARV											1.600	186		2.400	937	4.000	1%
II	Ngân sách Trung ương		4.956	2.599	0	990	0	990	1.980	1.980	0	3.599	1.689	0	2.636	0	15.151	6%
	HĐ PC HIV AIDS		410	410	0	990	0	990	1.980	1.980		1.110	957		580		6.060	2%
	Methadone		4.546	2.189	0	0	0		0	0		2.489	732		2.056		9.091	3%
	ARV	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0		0		0	0%
III	Thu phí 1 phần dịch vụ methadone								13.613	13.613		15.991	15.991		16.023	16.023	45.627	17%
IV	Viện Trợ		11.442	9.413	0	17.380	9.853	0	21.279	13.529	0	30.829	27.103	0	31.326	15.294	112.256	41%
	Dự án Quỹ toàn cầu		1.633	1.045		3.341	2.453		5.551	3.654		12.043	6.039		9.549	6.275	32.117	12%
	Dự án VAAC- EPIC		7.644	6.805		11.760	5.837		15.336	9.483		11.876	17.594		16.347	8.174	62.963	23%
	Dự án SHIFT		2.165	1.563		2.279	1.563		392	392		6.910	3.470		5.430	845	17.176	6%
	TỔNG	0	48.898	39.409	4.926	37.181	29.374	1.436	47.584	37.756	110	61.169	50.433	975	69.785	34.925	272.064	

PHỤ LỤC 4. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS GIAI ĐOẠN 2021-2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 199 /KH-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của UBND Thành phố)

Bảng 4. Ước tính tổng nhu cầu kinh phí cho phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2021-2030

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn kinh phí/Năm	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng cộng
Dự phòng lây nhiễm HIV (Chỉ tiết tại bảng 11)	36.273	37.378	38.445	39.494	40.443	41.424	42.421	43.380	44.350	45.542	409.150
Điều trị HIV/AIDS (Chỉ tiết tại phụ lục 15)	80.105	94.939	100.629	105.925	110.567	114.969	118.745	122.317	125.717	128.972	1.102.885
Giám sát, theo dõi đánh giá và xét nghiệm (Chỉ tiết tại phụ lục 18)	6.125	4.982	4.035	3.432	2.773	2.414	1.848	1.589	1.160	985	29.343
Tăng cường năng lực hệ thống (Chỉ tiết tại phụ lục 19)	787	799	812	822	835	847	859	873	884	897	8.415
Tổng cộng	123.290	138.098	143.921	149.673	154.618	159.654	163.873	168.159	172.111	176.396	1.549.793

Bảng 5. Ước tính số kinh phí có thể huy động giai đoạn 2021-2030

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn KP/Năm	Số thực tế		Số ước tính								
	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
Nguồn NSNN TW	1.485	1.741	2.008	2.116	2.215	2.308	2.394	2.476	2.553	2.626	21.922
Nguồn các DA QT	48.460	48.788	46.133	44.332	45.437	46.484	47.371	48.205	49.284	50.389	474.883
Nguồn Quỹ BHYT	38.741	48.104	52.191	57.969	61.024	63.865	66.489	68.942	71.245	73.421	601.991
Nguồn Xã hội hóa	26.845	27.650	28.338	28.962	29.409	29.858	30.269	30.607	30.921	31.273	294.132
Nguồn NSNN địa phương*	12.700	14.800	14.275	15.213	15.529	16.026	16.318	16.785	17.046	17.509	156.201
Tổng cộng	128.231	141.083	142.945	148.592	153.614	158.541	162.841	167.015	171.049	175.218	1.549.129

**Bảng 6. Ước tính thiếu hụt kinh phí giai đoạn 2021-2030**

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn KP/Năm	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
Tổng nhu cầu	123.290	138.098	143.921	149.673	154.618	159.654	163.873	168.159	172.111	176.396	1.549.793
Tổng KP có thể huy động	128.231	141.083	142.945	148.592	153.614	158.541	162.841	167.015	171.049	175.218	1.549.129
Kinh phí thiếu hụt			974	1.080	1.003	1.113	1.032	1.146	1.063	1.180	8.590
			8.590								
Khả năng đáp ứng (%)	104%	102%	99,3%	99,3%	99,4%	99,3%	99,4%	99,3%	99,4%	99,3%	99,3%

Bảng 7. Ước tính kinh phí Đề án dự phòng lây nhiễm HIV

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Thực tế		Ước tính								
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2021 -2030
I	Tổng chi phí các hoạt động (nhu cầu nguồn lực tài chính)	36.273	37.378	38.445	39.494	40.443	41.424	42.421	43.380	44.350	45.542	409.150
1	Thông tin, giáo dục truyền thông	4.671	4.826	4.898	4.970	5.044	5.118	5.194	5.271	5.349	5.428	50.769
2	Can thiệp giảm hại	4.186	4.355	4.552	4.713	4.907	5.067	5.226	5.384	5.536	5.691	49.617
3	Methadone, Buprenorphine	27.416	28.197	28.995	29.811	30.492	31.239	32.001	32.725	33.465	34.423	308.764

**Bảng 8. Bảng ước tính kinh phí thông tin, giáo dục, truyền thông**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2021-2030
I	Hoạt động truyền thông tuyến Thành phố	3.053	3.185	3.232	3.280	3.328	3.378	3.428	3.479	3.530	3.582	33.477
1	Thực hiện tọa đàm chủ đề về phòng, chống HIV/AIDS để phát trên các kênh của Đài Truyền thành phố	240	243	247	251	254	258	262	265	270	274	2.566
2	Hỗ trợ phát sóng các video clip và phóng sự trên các kênh của Đài Truyền hình thành phố	300	304	309	313	318	329	328	332	337	342	3.208
	Thực hiện chạy chữ chủ đề về phòng, chống HIV/AIDS trên bản tin thời sự của Đài Truyền	200	202	206	209	212	215	218	222	225	228	2.138
3	Thực hiện các chuyên trang tuyên truyền trên một số báo với các nội dung về dự phòng sớm và sử dụng bơm kim tiêm, bao cao su, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; xét nghiệm sớm, điều trị sớm, Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; Bảo hiểm y tế với người nhiễm HIV	80	81	82	84	85	86	87	89	90	91	855
4	Thực hiện các chương trình phát thanh tuyên truyền về dự phòng sớm và sử dụng bơm kim tiêm, bao cao su, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, xét nghiệm sớm, điều trị sớm, Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; Bảo hiểm y tế với người nhiễm HIV trên các kênh phát thanh và truyền hình	756	767	778	790	802	813	825	838	850	863	8.084
5	Thiết kế, sản xuất: Tờ gấp, sách mỏng và áp phích về: BKT, BSC, Methadone, xét nghiệm sớm, điều trị sớm, Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, Bảo hiểm y tế với người nhiễm HIV; PrEP; Buprenorphine..., và nhân bản gửi các quận huyện	347	352	358	363	368	374	379	385	391	397	3.715
7	Giao bán tại Ban Tuyên giáo Thành ủy cung cấp thông tin PC HIV/AIDS	4	5	5	5	5	5	5	5	6	6	51
9	Tập huấn về chống kỳ thị phân biệt đối xử với người nhiễm HIV trong ngành y tế	-	86	87	89	90	91	93	94	95	97	824

Bảng 9. Ước tính kinh phí can thiệp giảm tác hại

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030
Số lượng quần thể đích ước tính (người)											
<i>Số lượng người nghiện chích ma túy</i>	5.660	5.660	5.660	5.660	5.660	5.660	5.660	5.660	5.660	5.660	5.660
<i>Số lượng gái mại dâm</i>	2.105	2.105	2.105	2.105	2.105	2.105	2.105	2.105	2.105	2.105	2.105
<i>Số lượng nam quan hệ tình dục đồng giới</i>	9.325	9.325	9.325	9.325	9.325	9.325	9.325	9.325	9.325	9.325	9.325
<i>Số lượng người HIV</i>	13.371	14.226	14.910	15.457	15.894	16.244	16.507	16.704	16.704	16.704	13.371
Độ bao phủ /khả năng đáp ứng (%)											
Độ bao phủ với nhóm nghiện chích ma túy	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80	80
Độ bao phủ đối với gái mại dâm	60	62	65	67	70	72	74	76	78	80	80
Độ bao phủ đối với nam quan hệ tình dục đồng giới nguy cơ cao	60	62	65	67	70	72	74	76	78	80	80
Số lượng người HIV	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
Chi phí (đồng/người)											
Cung cấp bơm kim tiêm cho người nghiện chích ma túy	310.484	315.079	319.742	324.475	329.277	334.150	339.095	344.114	349.207	354.375	
Cung cấp bao cao su cho người nghiện chích ma túy	48.000	48.710	49.431	50.163	50.905	51.659	52.423	53.199	53.986	54.785	
Cung cấp bao cao su cho gái mại dâm	192.000	194.842	197.725	200.652	203.621	206.635	209.693	212.796	215.946	219.142	
Cung cấp bao cao su và chất bôi trơn cho nam quan hệ tình dục đồng giới	300.000	304.440	308.946	313.518	318.158	322.867	327.645	332.494	337.415	342.409	
Cung cấp bao cao su cho người HIV	48.000	48.710	49.431	50.163	50.905	51.659	52.423	53.199	53.986	54.785	
Tổng chi phí theo hoạt động (triệu đồng)	4.186	4.355	4.552	4.713	4.907	5.067	5.226	5.384	5.536	5.691	49.618


Bảng 10. Ước tính kinh phí chương trình Methadone và Buprenorphine

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2021 -2030
Số lượng quần thể đích											
<i>Số lượng người nghiện chích ma túy cần Methadone</i>	5.200	5.250	5.300	5.350	5.370	5.400	5.430	5.450	5.470	5.500	53.720
<i>Số lượng người nghiện chích ma túy cần Buprenorphine</i>	200	210	220	230	240	250	260	270	280	300	2.460
<i>Chi phí/ gói chi phí Methadone (triệu đồng)</i>	24.790	25.399	26.021	26.655	27.150	27.706	28.272	28.797	29.330	29.927	274.049
<i>Chi phí/ gói chi phí Buprenorphine (triệu đồng)</i>	2.626	2.798	2.975	3.156	3.342	3.532	3.728	3.929	4.135	4.496	34.715
Tổng chi phí (nhu cầu nguồn lực) (triệu đồng)	27.416	28.197	28.995	29.811	30.492	31.239	32.001	32.725	33.465	34.423	308.764

Bảng 11. Ước tính kinh phí Đề án chăm sóc điều trị người nhiễm HIV/AIDS

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2021 -2030
Điều trị người nhiễm HIV/AIDS (ART)	55.530	62.922	67.165	70.949	74.367	77.497	80.341	82.957	85.375	87.625	744.728
Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm (PrEP)	24.496	31.937	33.383	34.894	36.116	37.387	38.318	39.273	40.253	41.257	357.314
Điều trị dự phòng sau phơi nhiễm (PEP)	79	80	81	82	84	85	86	87	89	90	843
Tổng chi phí (nhu cầu nguồn lực)	80.105	94.939	100.629	105.925	110.567	114.969	118.745	122.317	125.717	128.972	1.102.885

Bảng 12. Dự kiến số lượng đối tượng được can thiệp chăm sóc và điều trị giai đoạn 2021-2030

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
ARV bậc 1	Người	11.025	11.795	12.410	12.902	13.296	13.611	13.847	14.025	14.149	14.229
ARV bậc 1 cho bệnh nhân năm đầu tiên	Người	1.800	770	616	492	393	315	237	177	124	80
ARV bậc 1 cho bệnh nhân từ năm thứ hai	Người	9.225	11.025	11.795	12.410	12.902	13.296	13.611	13.847	14.025	14.149
ARV bậc 2	Người	495	630	657	684	711	738	765	792	819	846
ARV cho trẻ em	Người	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
Phòng lây truyền từ mẹ sang con	Người	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
PrEP	Người	6.298	8.091	8.334	8.584	8.755	8.931	9.020	9.110	9.201	9.293
PEP	Người	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
Tổng	Người	17.928	20.626	21.511	22.280	22.872	23.390	23.742	24.037	24.279	24.478

Bảng 13. Tổng nhu cầu nguồn lực cho chương trình chăm sóc và điều trị HIV

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2021 -2030
1	ARV bậc 1	45.454	50.196	53.742	56.813	59.499	61.878	63.952	65.780	67.389	68.811	593.512
	ARV bậc 1 cho BN năm thứ nhất	6.330	2.746	2.229	1.809	1.467	1.192	909	691	491	322	18.186
	ARV bậc 1 cho BN từ năm thứ 2	39.124	47.450	51.513	55.004	58.032	60.686	63.043	65.089	66.898	68.489	575.328
2	ARV bậc 2	9.037	11.672	12.352	13.050	13.766	14.500	15.253	16.025	16.817	17.628	140.101
3	ARV cho trẻ em	492	499	506	514	521	529	537	545	553	561	5.256
4	Dự phòng lây truyền mẹ con	548	556	564	573	581	590	599	607	616	626	5.860
5	PrEP	24.496	31.937	33.383	34.894	36.116	37.387	38.318	39.273	40.253	41.257	357.314
6	PEP	79	80	81	82	84	85	86	87	89	90	844
	Tổng	80.106	94.940	100.628	105.926	110.567	114.969	118.745	122.317	125.717	128.973	1.102.888

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2021-2030
10	Tập huấn về kỹ năng truyền thông, tư vấn về BHYT với người nhiễm HIV cho cán bộ y tế các OPC, VCT	26	26	26	27	27	27	28	28	29	29	273
12	truyền thông nhân Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: treo banner trên các trục đường chính	200	203	206	209	212	215	218	222	223	228	2.138
13	Chiến dịch truyền thông tháng hành động phòng chống AIDS	900	913	927	940	954	968	932	997	1,012	1,027	9.624
13.1	In và treo banner thông điệp truyền thông trên các trục đường trung tâm của Thành phố	400	406	412	418	424	430	437	443	450	457	4.277
13.2	Tổ chức sự kiện của Thành phố hưởng ứng Tháng hành động quốc gia PC AIDS và Ngày TGPC AIDS 1/12	500	507	515	522	530	538	546	554	562	571	5.346
II	Hoạt động truyền thông tuyến huyện	1.283	1.302	1.321	1.341	1.361	1.381	1.401	1.422	1.443	1.464	13.719
16	Hội nghị triển khai kế hoạch tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS	105	107	108	109	111	113	115	116	118	120	1.123
17	tổ chức mít tinh - diễu hành hưởng ứng Tháng hành động quốc gia PC AIDS và Ngày TGPC AIDS 1/12	750	761	772	784	795	807	819	831	843	856	8.020
18	Truyền thông về xét nghiệm sớm, điều trị sớm, Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; Bảo hiểm y tế với người nhiễm HIV	210	213	216	219	223	226	229	233	236	239	2.246
19	Truyền thông tại trường học về chống kỳ thị phân biệt đối xử với trẻ nhiễm HIV và trẻ bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	210	213	216	219	223	226	229	233	236	239	2.245
20	Tập huấn giảng viên tuyến quận, huyện nâng cao năng lực về truyền thông phòng, chống HIV/AIDS	8	8	8	8	8	8	8	9	9	9	85
III	Hỗ trợ truyền thông các ban ngành đoàn thể	190	193	196	199	202	204	208	210	214	217	2.032
21	Truyền thông PC HIV/AIDS cho hội viên các đoàn thể	190	193	196	199	202	204	208	210	214	217	2.032
IV	Hoạt động truyền thông tuyến huyện xã	144	146	148	150	153	155	157	160	162	164	1.540
22	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, truyền thông viên về PC HIV/ADS	144	146	148	150	153	155	157	160	162	164	1.540
Tổng chi phí (nhu cầu nguồn lực) (triệu đồng)		4.671	4.826	4.898	4.970	5.044	5.118	5.194	5.271	5.349	5.428	50.768

Bảng 14. Ước tính kinh phí cho Đề án theo dõi, giám sát HIV/AIDS

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030
1	Xét nghiệm HIV tại nhà	2.948	2.325	1.888	1.533	1.243	1.010	769	585	415	272	12.988
1,1	Xét nghiệm HIV tại nhà bằng nước bọt	2.242	1.768	1.436	1.166	945	768	585	445	316	207	9.878
1,2	Xét nghiệm HIV tại nhà bằng mẫu máu	706	557	452	367	298	242	184	140	99	65	3.110
2	Xét nghiệm HIV tại Cơ sở Y tế	2.835	2.258	1.833	1.488	1.207	980	747	568	403	264	12.583
2,1	HIV testing (Xét nghiệm nhanh)	2.706	2.135	1.733	1.407	1.141	927	706	537	381	250	11.923
2,2	HIV testing (Xét nghiệm khẳng định)	129	123	100	81	66	53	41	31	22	14	660
3	Giám sát trọng điểm HIV	49	39	40	40	41	42	42	43	43	44	423
4	Giám sát trọng điểm STIs	293	360	274	371	282	382	290	393	299	405	3.349
4,1	Giang mai	77	66	50	68	52	70	53	72	55	74	637
4,2	Lậu	95	129	98	133	101	137	104	141	107	145	1.190
4,3	Chlamedia	77	105	80	108	82	111	85	114	87	118	967
4,4	trùng roi	44	60	46	62	47	64	48	66	50	68	555
	Tổng cộng	6.125	4.982	4.035	3.432	2.773	2.414	1.848	1.589	1.160	985	29.343

Bảng 15. Ước tính kinh phí cho Đề án nâng cao năng lực hệ thống phòng, chống HIV/AIDS

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn kinh phí/Năm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030
1, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	109	111	113	114	116	118	119	121	123	125	1.169
2, VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH	55	56	57	57	58	59	60	61	61	62	586
3, TẬP HUẤN	294	298	303	307	312	316	321	326	330	335	3.142
4, HỖ TRỢ KỸ THUẬT	329	334	339	344	349	354	359	365	370	375	3.518
Tổng cộng	787	799	812	822	835	847	859	873	884	897	8.415